

Bản án số: **399/2026/HS-ST**

Ngày: 25 - 6 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Mai.

2. Bà Trần Thị Hồng Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai và điểm cầu Phân trại tạm giam T -Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Đ xét xử **trực tuyến** sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 358/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2026/QĐXXST-HS ngày 09/6/2026, đối với:

Họ và tên: **Võ Văn T**; Sinh năm 2000, N sinh: Đồng Nai Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Căn cước công dân số 075200007170. Nơi thường trú: Tổ A, ấp A, T, Đ (nay là xã T), thành phố Đ. Nơi ở hiện tại: không có. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên cha: Võ Văn T1, sinh năm 1977 (đã chết). Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1979 (còn sống). Bị can là con duy nhất trong gia đình, chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 17/10/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố vụ án hình sự, ngày 12/2/2025, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Võ Văn T. Quá trình điều tra, T bỏ trốn đến ngày 23/3/2026 thì bị bắt truy nã. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam T -Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Đ.

- Người bị hại: Phan Văn C, sinh năm 1997.

Địa chỉ: 7, khóm L, phường M, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Văn T có mối quan hệ quen biết, bạn bè với anh Phan Văn C (sinh năm 1997, nơi thường trú: 7 khóm L, phường M, tỉnh An Giang) và anh Tống Nguyễn Hoàng C1 (sinh năm 1998, nơi thường trú: xã M, tỉnh Vĩnh Long). Vào buổi trưa ngày 12/11/2023, T đi xe ôm từ khu vực vòng xoay T đến phòng trọ của anh C1 tại tổ E, khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để chơi. Khi đến nơi, do

anh C1 không có mặt tại phòng trọ nên T nằm vờng trước cửa phòng trọ để chờ anh C1 về.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, anh C điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha biển số 67B1-562.11 chở anh C1 đi chơi về phòng trọ. Sau khi về đến nơi, anh C dựng xe mô tô đối diện phòng trọ của anh C1, không khóa cổ xe, còn chìa khóa xe được để trong phòng trọ của anh C1. Sau đó, anh C cùng anh C1 đi đến phòng trọ số 6 trong cùng dãy trọ để nhậu với bạn. Thấy anh C và anh C1 để chìa khóa xe mô tô trong phòng trọ, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Sau khi có ý định trộm cắp tài sản, T đi vào phòng trọ lấy chìa khóa xe mô tô rồi đi ra ngoài, nổ máy xe và điều khiển xe mô tô đến địa bàn huyện T, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, T bán chiếc xe mô tô biển số 67B1-562.11 cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Số tiền có được từ việc bán xe, T đã sử dụng hết vào việc tiêu xài cá nhân.

Ngày 15/12/2023, anh Phan Văn G (sinh năm 1966, nơi thường trú: 7 khóm L, phường M, tỉnh An Giang), là cha ruột của anh Phan Văn C, trong lúc đi làm phụ hồ tại xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện xe mô tô biển số 67B1-562.11 do một người phụ nữ điều khiển đi vào một căn nhà gần nơi anh G đang làm việc. Nghi ngờ đây là chiếc xe mô tô bị mất của con mình nên anh G đã trình báo sự việc đến Công an xã H 3, huyện T để được giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ việc liên quan đến hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; đồng thời thu hồi được xe mô tô biển số 67B1-562.11 và trả lại cho anh Phan Văn C.

Ngày 16/12/2023, anh Phan Văn C đến Công an phường L trình báo về việc bị mất xe mô tô và cung cấp dữ liệu hình ảnh camera ghi nhận diễn biến vụ việc. Thông qua việc kiểm tra, trích xuất dữ liệu hình ảnh camera, cơ quan điều tra xác định Võ Văn T là người đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của anh C.

Ngày 17/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự. Đến ngày 12/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Võ Văn T. Trong quá trình điều tra, T đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 23/3/2026, Võ Văn T bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại Kết luận định giá tài sản số 264/K1-HĐ ĐGTS ngày 14/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 67B1-562.11 có trị giá 6.000.000 (sáu triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phan Văn C đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 206/ CT-VKSKV1 ngày 25/5/2026, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà (nay là VKSDN khu vực 1- Đồng Nai). Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo mức án tù 08 tháng đến 10 tháng tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về hòa nhập cuộc sống với gia đình, xã hội và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại... không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Vào khoảng 13 giờ ngày 12/11/2023, tại phòng trọ địa chỉ tổ E, khu phố C, phường L, thành phố Đ, Võ Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 67B1-562.11 trị giá 6.000.000đ (sáu triệu đồng) của Phan Văn C. Quá trình điều tra T bỏ trốn đến ngày 23/03/2026 thì bị bắt truy nã. Kết luận định giá tài sản số 264/K1-HĐ ĐGTS ngày 14/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 67B1-562.11 có trị giá 6.000.000 (sáu triệu đồng). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Võ Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Trách nhiệm dân sự: Anh Phan Văn C đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

[5] Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- 01 USB lưu giữ hình ảnh Võ Văn T trộm cắp tài sản lưu hồ sơ vụ án.

- 01 hình ảnh photo của Võ Văn T lưu hồ sơ vụ án.

Ý kiến và quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Đối với người đàn ông chưa rõ lai lịch mua xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 67B1-562.11 do T trộm cắp mà có, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ tiếp tục xác minh xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Tuyên bố: Bị cáo **Võ Văn T** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Xử phạt bị cáo: Võ Văn T **10 (Mười) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/3/2026.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án TP. Đồng Nai (1);
- VKSND TP. Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 1-ĐN (2);
- Trại tạm giam số 1 TP. Đồng Nai/ Phân trại tạm giam Tân Triều (cơ sở 1).
- Thi hành án hình sự- Công an TP. Đồng Nai (3);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA TP. Đồng Nai (PV06); (01)
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án; (01)
- Bị cáo (01);
- THADS TP. Đồng Nai/Phòng THADS khu vực 1-Đồng Nai.
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án, Toà HS, Thẩm phán (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Minh